

HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH CHO KHÁCH HÀNG

1. QUY ĐỊNH GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI:

TT	Đặc điểm	HĐTL chỉ số VN30	HĐTL trái phiếu chính phủ kỳ hạn 5 năm	HĐTL trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm
1	Tên Hợp đồng	HĐTL trên chỉ số cổ phiếu VN30	HĐTL trái phiếu chính phủ kỳ hạn 05 năm	HĐTL trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm
2	Mã hợp đồng	VN30Fyymm	GB05Fyymm	GB10Fyymm
3	Tài sản cơ sở	Chỉ số VN30	TPCP kỳ hạn 5 năm, mệnh giá 100.000 đồng, lãi suất danh nghĩa 5,0%/năm, trả lãi định kỳ, cuối kỳ 12 tháng/lần, trả gốc 1 lần khi đáo hạn	TPCP kỳ hạn 10 năm, mệnh giá 100.000 đồng, lãi suất danh nghĩa 5,0%/năm, trả lãi định kỳ cuối kỳ 12 tháng/lần, trả gốc một lần khi đáo hạn
4	Hệ số nhân	100.000 đồng	10.000	10.000
5	Phương thức giao dịch	Phương thức khớp lệnh và Phương thức thỏa thuận	Phương thức khớp lệnh và Phương thức thỏa thuận	Phương thức khớp lệnh và Phương thức thỏa thuận
6	Bước giá/ Đơn vị yết giá	0,1 điểm chỉ số	1 đồng	1 đồng
7	Đơn vị giao dịch	1 hợp đồng	1 hợp đồng	1 hợp đồng
8	Quy mô hợp đồng	100.000 đồng * (điểm chỉ số VN30)	1.000.000.000 đồng	1.000.000.000 đồng
9	Tháng đáo hạn	Tháng hiện tại Tháng kế tiếp Tháng cuối quý liền kề Tháng cuối quý kế tiếp	03 tháng cuối 03 quý gần nhất	03 tháng cuối 3 Quý gần nhất
10	Thời gian giao dịch	Mở cửa trước thị trường cơ sở 15 phút Đóng cửa: cùng thị trường cơ sở	Mở cửa trước thị trường cơ sở 15 phút Đóng cửa: cùng thị trường cơ sở	Mở cửa trước thị trường cơ sở 15 phút Đóng cửa: cùng thị trường cơ sở
11	Ngày giao dịch cuối cùng	Ngày thứ năm thứ ba trong tháng đáo hạn, trường hợp trùng ngày nghỉ sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước đó	Ngày 15 của tháng đáo hạn hoặc ngày giao dịch liền trước nếu ngày 15 là ngày nghỉ	Ngày 25 của tháng đáo hạn hoặc ngày giao dịch liền trước nếu ngày 25 là ngày nghỉ

12	Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng	Ngày làm việc thứ ba kể từ ngày giao dịch cuối cùng	Ngày làm việc thứ ba kể từ ngày giao dịch cuối cùng
13	Phương thức thanh toán	Thanh toán bằng tiền	Chuyển giao tài sản cơ sở	Chuyển giao tài sản cơ sở
14	Biên độ dao động	+/- 7% so với giá tham chiếu	+/- 3% so với giá tham chiếu	+/-3% so với giá tham chiếu
15	Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước hoặc giá lý thuyết (trong ngày giao dịch đầu tiên)	Giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước hoặc giá lý thuyết (trong ngày giao dịch đầu tiên)	Giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước hoặc giá lý thuyết (trong ngày giao dịch đầu tiên)
16	Mức ký quỹ	Theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	Theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	Theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
17	Giới hạn lệnh	+ Tối thiểu: 1 hợp đồng/ lệnh + Tối đa: 500 hợp đồng/ lệnh	500 hợp đồng/lệnh	500 hợp đồng/lệnh
18	Giới hạn vị thế	+ NĐT chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng + NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng + NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng	+ NĐT chứng khoán chuyên nghiệp: 10.000 hợp đồng + NĐT tổ chức: 5.000 hợp đồng + NĐT cá nhân: Chưa thực hiện	+ NĐT chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức: 10.000 hợp đồng + NĐT chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân: 3.000 hợp đồng + NĐT tổ chức: 5.000 hợp đồng + NĐT cá nhân: Chưa thực hiện
19	Tiêu chuẩn trái phiếu giao hàng		Trái phiếu Chính phủ do Kho bạc Nhà nước phát hành, có kỳ hạn còn lại từ 3 năm đến 7 năm tính đến ngày thanh toán cuối cùng, có giá trị niêm yết tối thiểu 2.000 tỷ đồng. Hệ số chuyển đổi được tính theo lãi suất danh nghĩa 5,0%/năm.	Trái phiếu Chính phủ do Kho bạc Nhà nước phát hành trả lãi định kỳ cuối kỳ 12 tháng/lần, và có các kỳ trả lãi bằng nhau, trả gốc một lần khi đáo hạn, có kỳ hạn còn lại từ 8 năm đến 11 năm tính đến ngày thanh toán cuối cùng, có giá trị niêm yết tối thiểu

			2.000 tỷ đồng. Hệ số chuyển đổi được tính theo lãi suất danh nghĩa 5,0%/năm.
20	Giá thanh toán cuối ngày	<p>1. Nguyên tắc xác định DSP đối với HĐTL chỉ số và HĐTL TPCP:</p> <p>a. Loại bỏ giá của giao dịch HĐTL tại phiên khớp lệnh định kỳ mở cửa và giá của các giao dịch HĐTL thỏa thuận được xác lập trong ngày khi xác định DSP theo phương pháp bình quân gia quyền theo khối lượng giao dịch.</p> <p>b. DSP được làm tròn và lấy đến hai chữ số thập phân.</p> <p>2. DSP đối với HĐTL chỉ số được xác định theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <p>a. Giá đóng cửa của đợt khớp lệnh định kỳ đóng cửa.</p> <p>b. Giá xác định được theo một trong hai phương thức sau:</p> <p>(i) Giá bình quân gia quyền theo khối lượng giao dịch (VWAP) được ưu tiên lựa chọn theo trình tự sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - VWAP của tất cả các giao dịch hợp đồng tương lai chỉ số khớp lệnh trong 30 phút cuối của phiên giao dịch khớp lệnh liên tục nếu trong khoảng thời gian này có trên 20 giao dịch được khớp; - VWAP của các giao dịch hợp đồng tương lai chỉ số khớp lệnh trong số 20 giao dịch được khớp cuối phiên giao dịch khớp lệnh liên tục sau khi đã loại bỏ giá cao nhất và giá thấp nhất nếu trong 30 phút cuối cùng của phiên khớp lệnh liên tục có từ 20 giao dịch trở xuống được khớp, không loại bỏ trong trường hợp có hơn 01 giao dịch cùng mức giá cao nhất hoặc thấp nhất; - VWAP của tất cả các giao dịch hợp đồng tương lai chỉ số khớp lệnh tại phiên giao dịch khớp lệnh liên tục nếu trong ngày có ít hơn 20 giao dịch được khớp. <p>(ii) Trường hợp không xác định được giá VWAP, DSP là giá mở cửa của đợt khớp lệnh định kỳ mở cửa.</p> <p>c. Đối với HĐTL có tháng đáo hạn xa không có giao dịch mà HĐTL có tháng đáo hạn gần nhất có giao dịch, đồng thời, cả 02 loại hợp đồng đều có giao dịch ở những ngày trước đó, giá xác định cho HĐTL có tháng đáo hạn xa theo công thức:</p> $DSP_t = DSP_{gần nhất t} + (DSP_{t-1} - DSP_{gần nhất t-1})$ <p>Trong đó:</p> <p>DSP_t : là giá thanh toán cuối ngày của HĐTL cần tính;</p> <p>$DSP_{gần nhất t}$: là DSP của HĐTL có tháng đáo hạn gần nhất;</p>	

		<p>$DSP_{gần nhất t-1}$: là DSP của HĐTL có tháng đáo hạn gần nhất tại ngày giao dịch liền trước;</p> <p>DSP_{t-1} : là DSP của HĐTL cần tính tại ngày giao dịch liền trước.</p> <p>d. DSP của ngày giao dịch liền trước (không áp dụng liên tục trong thời gian 03 ngày giao dịch).</p> <p>e. Giá lý thuyết được xác định theo công thức sau:</p> $P = S * \left[1 + \left(r * \frac{t}{360} \right) \right] - D_i$ $D_i = \frac{Div_i}{MC} * \frac{t}{360} * S$ <p>Trong đó:</p> <p>S: Giá trị tham chiếu của chỉ số cơ sở trong ngày giao dịch hiện tại, làm tròn đến chữ số thập phân thứ 2;</p> <p>r: là lãi suất TPCP có kỳ hạn còn lại 01 năm trên đường cong lợi suất của HNX;</p> <p>t: Số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày giao dịch cuối cùng;</p> <p>D_i: Chỉ số cổ tức của hợp đồng tương lai</p> <p>Div_i: tổng số cổ tức bằng tiền của các cổ phiếu thành phần trong chỉ số trong năm giao dịch liền trước;</p> <p>MC: Giá trị vốn hóa thị trường tham chiếu của chỉ số trong ngày giao dịch (= \sum(Giá đóng cửa của cổ phiếu thành phần * Số lượng phát hành của cổ phiếu))</p> <p>3. DSP đối với HĐTL TPCP được xác định theo thứ tự ưu tiên như sau:</p> <p>a. Giá xác định được theo một trong hai phương thức như sau:</p> <p>(i) Giá bình quân gia quyền theo khối lượng giao dịch (VWAP) được ưu tiên lựa chọn theo trình tự như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - VWAP của tất cả các giao dịch HĐTL TPCP khớp lệnh trong 30 phút cuối của phiên giao dịch khớp lệnh liên tục nếu trong khoảng thời gian này có trên 10 giao dịch được khớp. - VWAP của các giao dịch HĐTL TPCP khớp lệnh trong số 10 giao dịch được khớp cuối phiên giao dịch khớp lệnh liên tục sau khi đã loại bỏ giá cao nhất và giá thấp nhất nếu trong 30 phút cuối của phiên giao dịch khớp lệnh liên tục có từ 10 giao dịch trở xuống được khớp, không loại bỏ trong trường hợp có hơn 01 giao dịch cùng mức giá cao nhất hoặc thấp nhất. - VWAP của tất cả các giao dịch HĐTL TPCP khớp lệnh tại
--	--	---

		<p>phiên khớp lệnh liên tục nếu trong ngày có ít hơn 10 giao dịch được khớp.</p> <p>(ii) Trường hợp không xác định được giá VWAP, DSP là giá mở cửa của đợt khớp lệnh định kỳ mở cửa.</p> <p>b. Đối với HĐTL TPCP có tháng đáo hạn xa không có giao dịch mà HĐTL TPCP có tháng đáo hạn gần nhất có giao dịch, đồng thời, cả hai loại hợp đồng đều có giao dịch ở những ngày trước đó, giá xác định cho HĐTL TPCP có tháng đáo hạn xa theo công thức:</p> $DSP_t = DSP_{gần nhất t} + (DSP_{t-1} - DSP_{gần nhất t-1})$ <p>Trong đó: DSP_t : là giá thanh toán cuối ngày của HĐTL TPCP cần tính; $DSP_{gần nhất t}$: là DSP của HĐTL TPCP có tháng đáo hạn gần nhất; $DSP_{gần nhất t-1}$: là DSP của HĐTL TPCP có tháng đáo hạn gần nhất tại ngày giao dịch liền trước; DSP_{t-1} : là DSP của HĐTL TPCP cần tính tại ngày giao dịch liền trước.</p> <p>c. DSP của ngày giao dịch liền trước (không áp dụng liên tục trong thời hạn 03 ngày giao dịch).</p> <p>d. Giá lý thuyết được xác định theo công thức sau:</p> $P = \frac{1}{CF} \left[C_t + \left(C_t + c \frac{t - t_0}{actual} \right) * r * \frac{T - t}{360} - c * \frac{T - t}{actual} \right]$ <p>Trong đó: CF: Hệ số chuyển đổi của trái phiếu rẻ nhất để chuyển giao; C_t: Giá thị trường của trái phiếu rẻ nhất để chuyển giao; c: trái tức của trái phiếu rẻ nhất để chuyển giao; t_0: ngày trả lãi coupon của trái phiếu chuyển giao; t: ngày tính toán; r: là lãi suất TPCP có kỳ hạn còn lại 01 năm trên đường cong lợi suất của HNX; T: ngày đáo hạn của hợp đồng tương lai; T-t: thời gian còn lại của hợp đồng tương lai (ngày); actual: Số ngày thực tế của năm tính toán</p> <p>4. Xác định trái phiếu rẻ nhất để giao (CTD – Cheapest to Delivery) CTD = min (Giá thị trường của trái phiếu chuyển giao/ CF) Trái phiếu CTD là trái phiếu đem lại khoản lãi lớn nhất/lỗ nhỏ nhất khi thực hiện chiến lược mua trái phiếu đồng thời bán HĐTL TPCP và sau đó đóng vị thế tại ngày đáo hạn. Khoản lỗ lãi khi thực hiện chiến lược trên được tính toán bằng khoản chênh lệch giá trị thanh toán.</p>
--	--	--

21	Giá thanh toán cuối cùng	<p>Giá thanh toán cuối cùng là mức giá được xác định tại ngày giao dịch cuối cùng để xác định nghĩa vụ thanh toán khi thực hiện hợp đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hợp đồng tương lai chỉ số: Là giá trị trung bình số học giản đơn của chỉ số trong 30 phút cuối cùng của ngày giao dịch cuối cùng (bao gồm 15 phút khớp lệnh liên tục và 15 phút khớp lệnh định kỳ đóng cửa), sau khi loại trừ 3 giá trị chỉ số cao nhất và 3 giá trị chỉ số thấp nhất của phiên khớp lệnh liên tục. Giá thanh toán cuối cùng được làm tròn và lấy đến hai chữ số thập phân. - Đối với HĐTL TPCP: Là giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng được xác định tại ngày giao dịch cuối cùng.
----	--------------------------	--

2. CHI TIẾT THỜI GIAN GIAO DỊCH

Thời gian giao dịch	<p>Khớp lệnh định kỳ mở cửa: 8:45 – 9:00 Khớp lệnh liên tục phiên sáng: 9:00 – 11:30 Khớp lệnh liên tục phiên chiều: 13:00 – 14:30 Khớp lệnh định kỳ đóng cửa: 14:30 – 14:45 Thỏa thuận: 8:45 – 14: 45</p>
---------------------	--

3. CÁC NGƯỠNG QUẢN LÝ TỶ LỆ SỬ DỤNG KÝ QUỸ:

An toàn: Khách hàng được mở vị thế mới/rút ký quỹ nếu Tỷ lệ sử dụng ký quỹ chưa vượt quá ngưỡng an toàn

Cảnh báo 1: Khách hàng nhận được thông báo vi phạm tỷ lệ, khuyến cáo khách hàng cần nộp bổ sung ký quỹ để đảm bảo tỷ lệ an toàn;

Cảnh báo 2: Khách hàng nhận được thông báo vi phạm tỷ lệ khuyến cáo khách hàng cần nộp bổ sung ký quỹ để đảm bảo tỷ lệ an toàn.

Mức xử lý: Trường hợp tỷ lệ sử dụng ký quỹ của khách hàng chạm hoặc vượt mức tỷ lệ ký quỹ xử lý, BSC sẽ gửi thông báo vi phạm tỷ lệ ký quỹ xử lý cho khách hàng, yêu cầu khách hàng cần nộp bổ sung ký quỹ để đảm bảo tỷ lệ an toàn. Nếu khách hàng không khắc phục vi phạm tỷ lệ ký quỹ xử lý ngay sau khi nhận được thông báo từ BSC, BSC có toàn quyền áp dụng một hoặc tất cả các biện pháp khắc phục mà BSC cho là phù hợp để xử lý vi phạm bắt buộc, đảm bảo tỷ lệ sử dụng ký quỹ thấp hơn tỷ lệ ký quỹ an toàn.

Các mức tỷ lệ sử dụng ký quỹ trên được BSC quy định tại từng thời kỳ (theo yêu cầu quản lý rủi ro của BSC)

Giá trị ký quỹ ban đầu:

Giá trị ký quỹ ban đầu là giá trị ký quỹ tối thiểu mà khách hàng phải nộp lên CCP đối với các vị thế mà khách hàng dự kiến mở trước khi thực hiện giao dịch (ngoại trừ các giao dịch đóng vị thế

của khách hàng). Giá trị ký quỹ ban đầu được BSC quy định nhằm mục tiêu quản trị rủi ro dựa trên nguyên tắc:

- Tỷ lệ ký quỹ của hợp đồng cao hơn hoặc bằng với tỷ lệ được VSD quy định đối với từng mã chứng khoán phái sinh;
- Tỷ lệ sử dụng ký quỹ ở Mức an toàn.

Ví dụ: BSC đang quy định

- Tỷ lệ ký quỹ của hợp đồng bằng với tỷ lệ VSD quy định là 17%;
- Tỷ lệ sử dụng ký quỹ ở mức an toàn bằng 70%;

$$\text{Tỷ lệ ký quỹ ban đầu} = 17/70 = 24.3 \%$$

Như vậy để mở mới 1 HĐTL trị giá 100 triệu (giá hợp đồng = 1000 điểm)

⇒ Khách hàng cần nộp số tiền ký quỹ ban đầu tối thiểu là 24,3 triệu đồng

4. YÊU CẦU BỔ SUNG KÝ QUỸ/NỘP TIỀN THANH TOÁN

- Nhận thông báo:
 - Đối với trường hợp khách hàng vi phạm tỷ lệ cảnh báo 1,2: khách hàng sẽ nhận được thông báo vi phạm tỉ lệ cảnh báo;
 - Đối với trường hợp khách hàng vi phạm tỷ lệ xử lý: khách hàng sẽ nhận được thông báo vi phạm tỷ lệ xử lý;
 - Kết thúc phiên giao dịch: khi Phát sinh tình huống tài khoản phái sinh của khách hàng không đủ số dư để thực hiện thanh toán (phí, thuế, lỗ VM) hoặc khách hàng có nghĩa vụ thanh toán VM trong ngày, khách hàng sẽ nhận được thông báo yêu cầu nộp bổ sung tiền thanh toán qua các kênh thông báo;
 - Kênh thông báo: Thông qua SMS/ Email/ Điện thoại
- Nguyên tắc bổ sung ký quỹ/nộp tiền thanh toán:
 - Đối với trường hợp vi phạm Tỷ lệ sử dụng ký quỹ ở ngưỡng cảnh báo 1, 2: khuyến cáo khách hàng cần nộp bổ sung ký quỹ hoặc đóng bớt vị thế khi tỷ lệ sử dụng ký quỹ chạm các ngưỡng này ngay sau khi nhận được thông báo từ BSC hoặc khi theo dõi trên phần mềm giao dịch trực tuyến của BSC.
 - Đối với trường hợp vi phạm tỷ lệ ký quỹ ở ngưỡng xử lý, khách hàng được yêu cầu bổ sung ngay tài sản ký quỹ bằng cách nộp tiền ký quỹ/đóng bớt vị thế để thoát khỏi vi phạm.
 - Đối với trường hợp khách hàng có nghĩa vụ thanh toán lãi lỗ trong ngày (thanh toán VM): Khách hàng cần nộp bổ sung tiền trên tài khoản phái sinh trước 15h ngày T+1. Trường hợp khách hàng chưa thực hiện bổ sung tiền đúng kỳ hạn trên, BSC sẽ tự động rút ký quỹ từ CCP về tài khoản phái sinh để thực hiện thanh toán nghĩa vụ VM.

- Đối với trường hợp số dư tiền trên tài khoản phái sinh không đủ để thực hiện thanh toán (phí, thuế): BSC sẽ tự động giải ngân dư nợ vượt hạn mức. Khách hàng cần thực hiện nộp bổ sung tiền trên tài khoản phái sinh trước 15h ngày T+1. Trường hợp khách hàng chưa thực hiện bổ sung tiền, BSC sẽ tự động rút ký quỹ từ CCP về tài khoản phái sinh để thực hiện thanh toán dư nợ vượt hạn mức.

5. THANH TOÁN LÃI/LỠ

- Đối với giao dịch hợp đồng tương lai chỉ số: Giá trị lãi/lỗ hàng ngày được thanh toán vào ngày T+1 và thanh toán thực hiện hợp đồng vào ngày thanh toán cuối cùng (ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng)
- Đối với giao dịch hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ: Giá trị lãi/lỗ hàng ngày được thanh toán vào ngày T+1 và thanh toán thực hiện hợp đồng theo hình thức chuyển giao vật chất vào ngày thanh toán cuối cùng (ngày làm việc thứ 3 sau ngày giao dịch cuối cùng).
- BSC thực hiện ghi nhận lãi/ lỗ hàng ngày vào khoản tiền mặt trên TKGD CKPS cho khách hàng tại đầu ngày giao dịch tiếp theo.
- Đối với trường hợp lỗ, khách hàng có nghĩa vụ thanh toán cho BSC chậm nhất trước 16h00 ngày giao dịch tiếp theo. Nếu quá thời hạn trên khách hàng không thực hiện thanh toán đầy đủ với BSC, khách hàng chịu lãi chậm thanh toán.

Lưu ý: Khách hàng nên duy trì số tiền nhất định trên tài khoản TKGD CKPS để thực hiện các nghĩa vụ (VM lỗ, phí, thuế) để tránh phát sinh lãi chậm thanh toán.

6. MỞ TÀI KHOẢN PHÁI SINH VÀ THỰC HIỆN CÁC GIAO DỊCH LIÊN QUAN ĐẾN TÀI KHOẢN PHÁI SINH

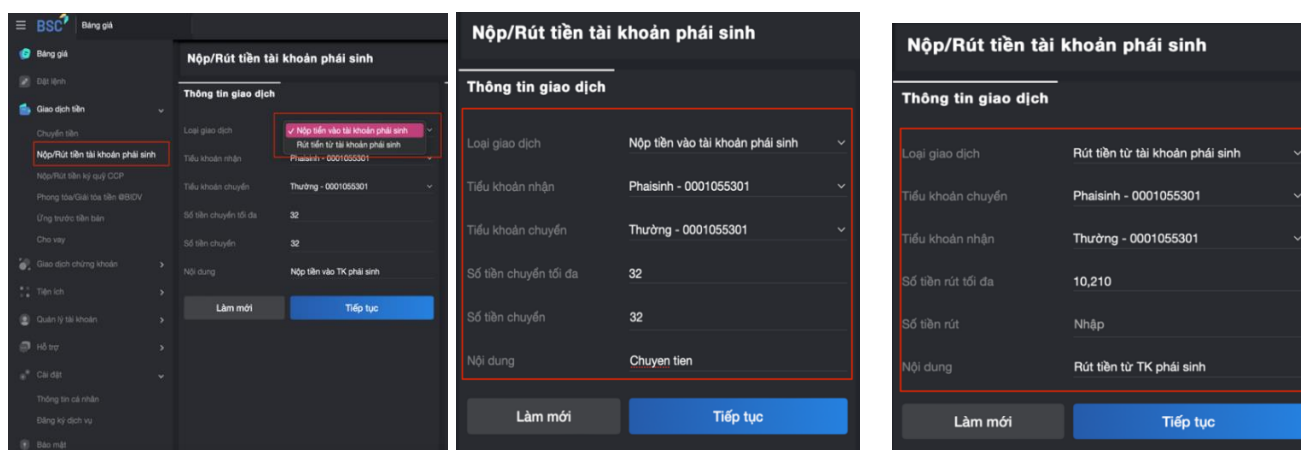
- Để mở tài khoản chứng khoán phái sinh, Quý khách vui lòng **đến các điểm giao dịch của BSC để được hỗ trợ thực hiện.**
- Quý khách cần tuân thủ hoàn thiện bộ hồ sơ mở tài khoản như sau:
 - B1: Mở tài khoản cơ sở bằng việc hoàn thiện các hồ sơ mở tài khoản cơ sở theo quy định.
 - B2: Thực hiện mở tài khoản phái sinh bằng việc ký Hợp đồng mở tài khoản phái sinh
- Sau khi hoàn thành thủ tục mở tài khoản phái sinh, Quý khách hàng có thể thực hiện giao dịch:
 - Tại quầy của BSC theo hướng dẫn, hỗ trợ của giao dịch viên đối với tất cả các giao dịch trên tài khoản phái sinh (đặt lệnh mua/bán, nộp/rút/chuyển tiền...)
 - Trực tuyến qua hệ thống Tổng đài điện thoại ghi âm của BSC trong trường hợp có đăng ký dịch vụ giao dịch qua điện thoại đối với một số dịch vụ giới hạn theo quy định của BSC tại từng thời kỳ. Quý khách hàng lưu ý khi giao dịch qua Tổng đài điện thoại ghi âm của BSC cần cung cấp đủ 3 yếu tố xác thực: họ và tên, số tài khoản và mật khẩu giao dịch (những thông tin này phải trùng khớp với thông tin đã đăng ký tại BSC)

- Trực tuyến trên các nền tảng giao dịch trực tuyến do BSC cung cấp trong từng thời kỳ như Webtrade, App mobile... theo hướng dẫn trên website và/hoặc các nền tảng này.

7. GIAO DỊCH TIỀN CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH TRỰC TUYẾN

➤ **Nộp/rút tiền tài khoản phái sinh:**

- **Bước 1:** Truy cập kênh giao dịch **BSC Webtrading** hoặc ứng dụng **BSC Smart Invest**
- **Bước 2:** Tại Menu -> Giao dịch tiền -> Nộp/Rút tiền tài khoản phái sinh -> Nhập các thông tin gồm: số tiền chuyển, nội dung.
- **Bước 3:** Xác nhận thông tin nộp/rút tiền.
- **Lưu ý:** Quý khách chỉ có thể chuyển tiền vào TKPS từ tiểu khoản Thường, cũng như chỉ có thể rút tiền từ TKPS ra tiểu khoản Thường.



The image displays three sequential screenshots of the BSC Webtrading application interface for the 'Nộp/Rút tiền tài khoản phái sinh' (Deposit/Withdrawal of Derivative Account) process.

Screenshot 1: Menu Navigation

- Left sidebar menu: 'Giao dịch tiền' > 'Nộp/Rút tiền tài khoản phái sinh' (highlighted with a red box).
- Main screen: 'Nộp/Rút tiền tài khoản phái sinh' title and 'Thông tin giao dịch' section.
- 'Loại giao dịch' dropdown: 'Nộp tiền vào tài khoản phái sinh' (checked and highlighted with a red box).
- 'Rút tiền từ tài khoản phái sinh' dropdown: 'Rút tiền từ tài khoản phái sinh' (highlighted with a red box).
- 'Tiểu khoản nhận' dropdown: 'Phaisinh - 0001055301'.
- 'Tiểu khoản chuyển' dropdown: 'Thường - 0001055301'.
- 'Số tiền chuyển tối đa': 32.
- 'Số tiền chuyển': 32.
- 'Nội dung': 'Nộp tiền vào TK phái sinh'.
- Buttons: 'Làm mới' (Refresh) and 'Tiếp tục' (Continue).

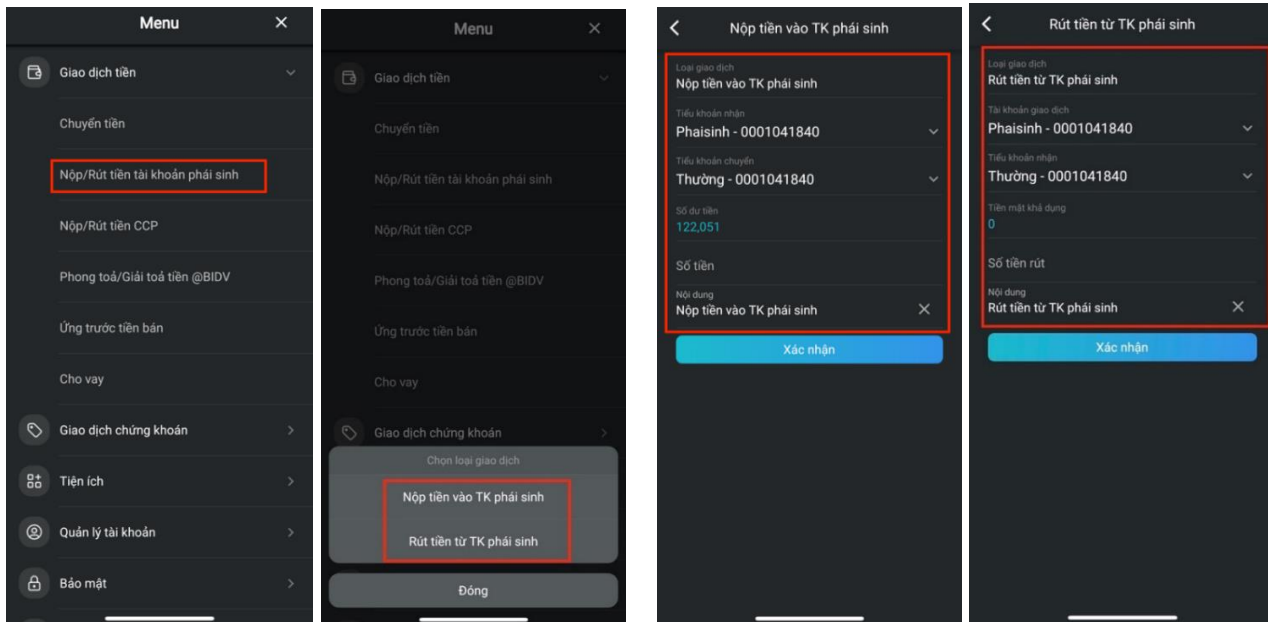
Screenshot 2: Transaction Details

- Title: 'Nộp/Rút tiền tài khoản phái sinh'.
- Section: 'Thông tin giao dịch'.
- 'Loại giao dịch': 'Nộp tiền vào tài khoản phái sinh'.
- 'Tiểu khoản nhận': 'Phaisinh - 0001055301'.
- 'Tiểu khoản chuyển': 'Thường - 0001055301'.
- 'Số tiền chuyển tối đa': 32.
- 'Số tiền chuyển': 32.
- 'Nội dung': 'Chuyen tien'.
- Buttons: 'Làm mới' (Refresh) and 'Tiếp tục' (Continue).

Screenshot 3: Confirmation Screen

- Title: 'Nộp/Rút tiền tài khoản phái sinh'.
- Section: 'Thông tin giao dịch'.
- 'Loại giao dịch': 'Rút tiền từ tài khoản phái sinh'.
- 'Tiểu khoản chuyển': 'Phaisinh - 0001055301'.
- 'Tiểu khoản nhận': 'Thường - 0001055301'.
- 'Số tiền rút tối đa': 10,210.
- 'Số tiền rút': 'Nhập' (Input).
- 'Nội dung': 'Rút tiền từ TK phái sinh'.
- Buttons: 'Làm mới' (Refresh) and 'Tiếp tục' (Continue).

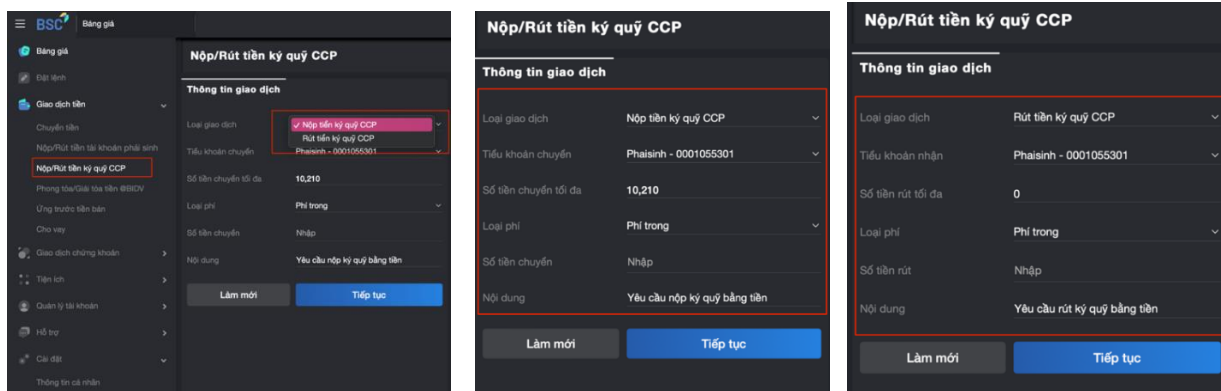
Minh họa tính năng Nộp/Rút tiền tài khoản phái sinh tại BSC Webtrading



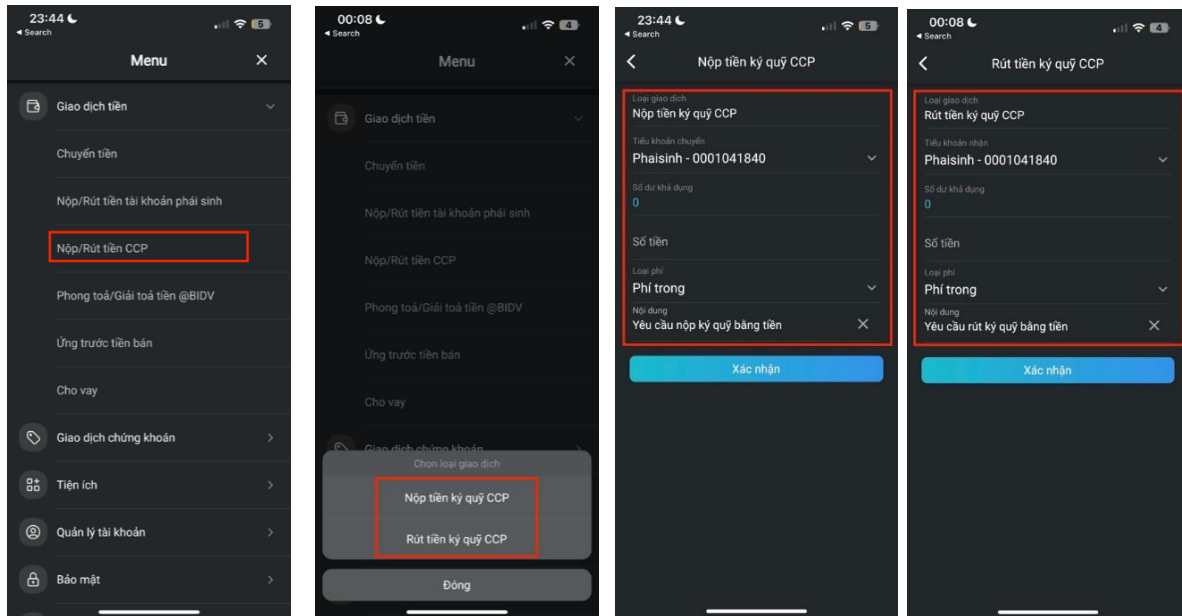
Minh họa tính năng Nộp/Rút tiền tài khoản phái sinh tại ứng dụng BSC Smart Invest

➤ **Nộp/Rút tiền ký quỹ CCP**

- **Bước 1:** Truy cập kênh giao dịch **BSC Webtrading** [[Gắn link](#)] hoặc ứng dụng **BSC Smart Invest** [[Gắn link](#)]
- **Bước 2:** Tại Menu -> Giao dịch tiền -> Nộp/Rút tiền ký quỹ CCP -> Nhập các thông tin gồm: số tiền chuyển, loại phí, nội dung.
- **Bước 3:** Xác nhận thông tin nộp/rút tiền.



Minh họa tính năng Nộp/Rút tiền ký quỹ CCP tại BSC Webtrading



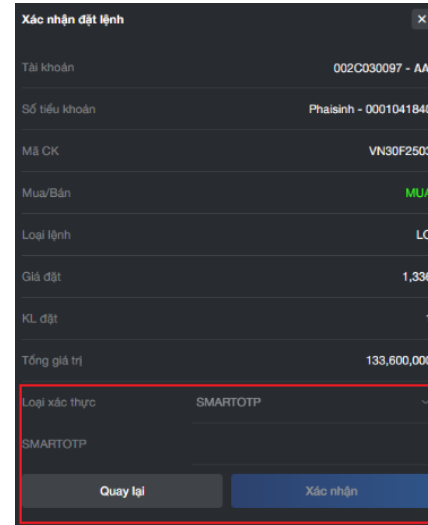
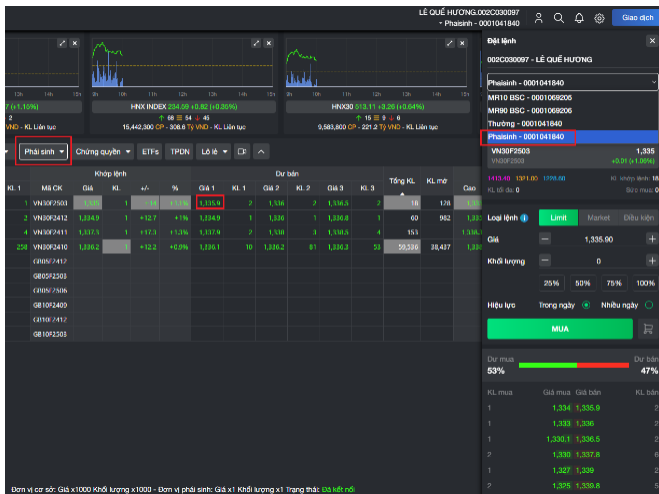
Minh họa tính năng Nộp/Rút tiền ký quỹ CCP tại ứng dụng BSC Smart Invest

8. GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH TRỰC TUYẾN

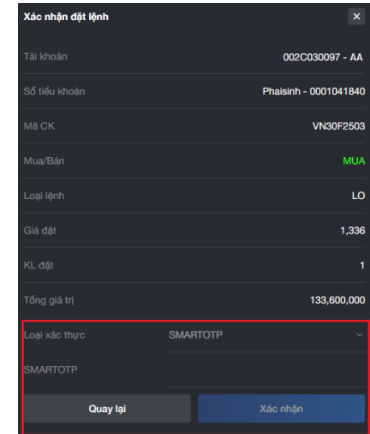
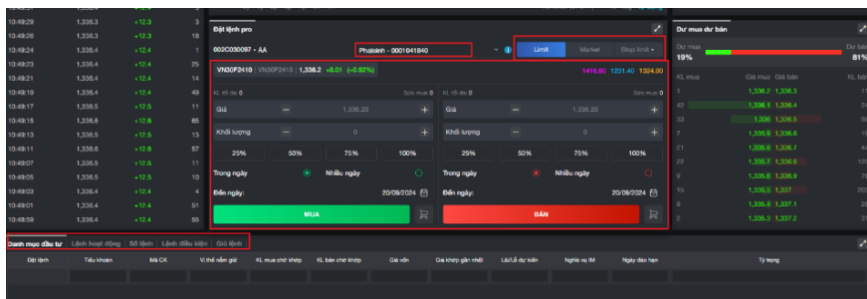
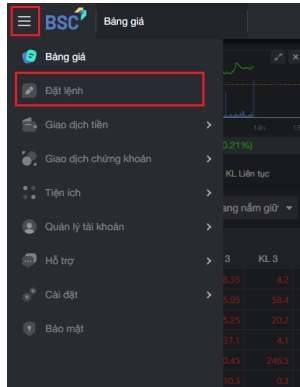
Để giao dịch chứng khoán Phái sinh, Quý khách thực hiện các bước sau đây:

- ✓ Bước 1: Truy cập kênh giao dịch **BSC Webtrading** [[Gắn link](#)] hoặc ứng dụng **BSC Smart Invest** [[Gắn link](#)]
- ✓ Bước 2: Thực hiện đặt lệnh tại các kênh như sau:
 - **BSC Webtrading:**
 - **Giao dịch nhanh:**

Để thực hiện đặt lệnh phái sinh nhanh ngay từ màn hình bảng giá, Quý khách thực hiện như sau:



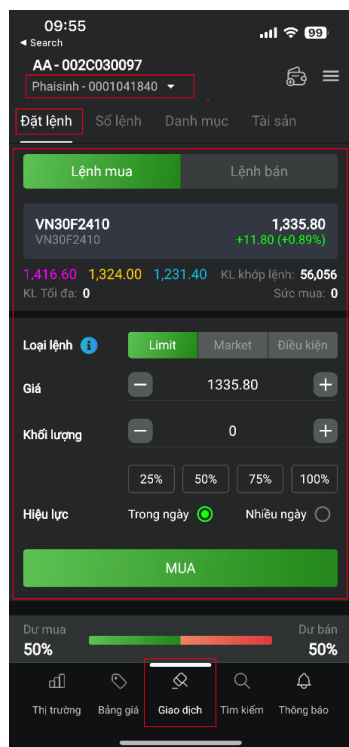
- **Bước 1:** Quý khách có thể chọn Chọn nút “Giao dịch” ở góc màn hình hoặc chọn trực tiếp giá dư mua/dư bán cần giao dịch ngay trên bảng giá để thực hiện đặt lệnh nhanh.
- **Bước 2:** Chọn tiểu khoản phái sinh cần đặt lệnh, tại mục “Đặt lệnh”, kiểm tra hoàn thiện thông tin lệnh cần đặt bao gồm:
 - + Lệnh giới hạn (Limit)/Lệnh thị trường (Market): Lệnh mua/bán, mã hợp đồng, loại lệnh, giá, khối lượng, hiệu lực
 - + Lệnh điều kiện: Lệnh mua/bán, mã hợp đồng, kiểu lệnh, giá kích hoạt, giá đặt, biên độ, bước giá, khối lượng, hiệu lực. Chi tiết tương ứng theo từng loại lệnh.
- **Bước 3:** Chọn nút “Mua/Bán” để chuyển sang màn hình xác nhận lệnh.
- **Bước 4:** Chọn loại xác thực và xác nhận lệnh giao dịch
 - **Đặt lệnh Pro:**



Để đặt lệnh phái sinh tại Đặt lệnh Pro, Quý khách thực hiện như sau:

- **Bước 1:** Tại Menu của BSC Webtrade, chọn mục “Đặt lệnh”
- **Bước 2:** Chọn tiểu khoản phái sinh cần đặt lệnh, tại khung “Đặt lệnh pro”, nhập thông tin lệnh cần đặt bao gồm:
 - + Lệnh giới hạn (Limit)/Lệnh thị trường (Market): Lệnh mua/bán, mã hợp đồng, loại lệnh, giá, khối lượng, hiệu lực
 - + Lệnh điều kiện: Lệnh mua/bán, mã hợp đồng, kiểu lệnh, giá kích hoạt, giá đặt, biên độ, bước giá, khối lượng, hiệu lực. Chi tiết tương ứng theo từng loại lệnh.
- **Bước 3:** Chọn nút “Mua/Bán” để chuyển sang màn hình xác nhận lệnh.
- **Bước 4:** Chọn loại xác thực và xác nhận lệnh giao dịch.

• **BSC Smart Invest:**



Để đặt lệnh tại ứng dụng BSC Smart Invest, Quý khách thực hiện như sau:

- **Bước 1:** Chọn mục Giao dịch
- **Bước 2:** Chọn tiểu khoản cần đặt lệnh, tại khung “Đặt lệnh”, nhập thông tin lệnh cần đặt bao gồm:
 - + Lệnh giới hạn (Limit)/Lệnh thị trường (Market): Lệnh mua/bán, loại lệnh, giá, khối lượng, hiệu lực
 - + Lệnh điều kiện: Lệnh mua/bán, kiểu lệnh, giá kích hoạt, giá đặt, biên độ, bước giá, khối lượng, hiệu lực. Chi tiết tương ứng theo từng loại lệnh.
- **Bước 3:** Chọn nút “Mua/Bán” để chuyển sang màn hình xác nhận lệnh.
- **Bước 4:** Chọn loại xác thực và xác nhận lệnh giao dịch.